

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế¹: Năm 2022
[02] Lần đầu²: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo uỷ quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống

[05] Tên người nộp thuế³:

[06] Mã số thuế⁴: -

[07] Địa chỉ⁵:

[08] Quận/huyện: [09] Tỉnh/thành phố:

[10] Điện thoại: [11] Fax: [12] Email:

[13] Tên đại lý thuế (nếu có)⁶:

[14] Mã số thuế⁷: -

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:

I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số người/ Số tiền ⁸ |
|-----|-------------------------|-------------|-------------|-----------------------------------|
| 1 | Tổng số người lao động: | [16] | Người | |

¹ Kỳ tính thuế trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.

² Người nộp thuế đánh dấu X vào ô này nếu là khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân lần đầu trong kỳ tính thuế (chưa khai bổ sung).

³ Điền đầy đủ họ và tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công (sau đây gọi là người nộp thuế).

⁴ Điền đầy đủ mã số thuế của của người nộp thuế do cơ quan thuế cấp.

⁵ Điền địa chỉ của người nộp thuế (số nhà, tên đường, thôn, xã, phường), không điền tên quận/huyện và tỉnh/thành phố (vì sẽ điền tại mục [8] và [9]).

⁶ Điền đầy đủ tên của đại lý thuế trong trường hợp người nộp thuế có ký hợp đồng với đại lý thuế để thực hiện các thủ tục về thuế thay cho mình.

⁷ Điền mã số thuế của đại lý thuế (nếu có).

⁸ Tại cột này, người nộp thuế điền cụ thể số tiền hoặc số người theo hướng dẫn tại cột Chỉ tiêu.

| | | | | |
|----------|---|-------------|-------|--|
| | Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động | [17] | Người | |
| 2 | Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20] | [18] | Người | |
| 2.1 | Cá nhân cư trú ⁹ | [19] | Người | |
| 2.2 | Cá nhân không cư trú ¹⁰ | [20] | Người | |
| 3 | Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần | [21] | Người | |
| 4 | Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh | [22] | Người | |
| 5 | Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25] | [23] | VNĐ | |
| 5.1 | Cá nhân cư trú | [24] | VNĐ | |
| 5.2 | Cá nhân không cư trú | [25] | VNĐ | |
| 5.3 | Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động | [26] | VNĐ | |
| 6 | Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí | [27] | VNĐ | |
| 7 | Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [28]=[29]+[30] | [28] | VNĐ | |
| 7.1 | Cá nhân cư trú | [29] | VNĐ | |
| 7.2 | Cá nhân không cư trú | [30] | VNĐ | |
| 8 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [31]=[32]+[33] | [31] | VNĐ | |
| 8.1 | Cá nhân cư trú | [32] | VNĐ | |
| 8.2 | Cá nhân không cư trú | [33] | VNĐ | |
| 8.3 | Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động | [34] | VNĐ | |

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số người/ Số tiền ¹¹ |
|-----|---|-------------|-------------|------------------------------------|
| 1 | Tổng số cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay | [35] | Người | |
| 2 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ | [36] | VNĐ | |
| | Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04]) | [37] | VNĐ | |
| 3 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp | [38] | VNĐ | |

⁹ Xem chi tiết khái niệm cá nhân cư trú tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

¹⁰ Xem chi tiết khái niệm cá nhân không cư trú tại khoản 2 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

¹¹ Tại cột này, người nộp thuế điền cụ thể số tiền hoặc số người theo hướng dẫn tại cột Chỉ tiêu.

| | | | | |
|---|---|------|-----|--|
| 4 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống | [39] | VNĐ | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp [40] = ([38] - [36] - [39]) > 0 | [40] | VNĐ | |
| 6 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa [41] = ([38] - [36] - [39]) < 0 | [41] | VNĐ | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)